TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 27 - 6 - 2019
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Tiến Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thái Thị D_NĐ, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp 9X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang. Xin vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P_BĐ**,** sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp 9X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28-01-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thái Thị D_NĐ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị D_NĐ và anh P_BĐ quen biết nhau rồi đi đến hôn nhân. Đến khoảng tháng 3 năm 2005 được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng. Trong thời gian chung sống cho đến khi ly thân, anh, chị chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung đầm ấm một thời gian thì phát sinh

mâu thuẩn. Đến ngày 12/6/2013, anh P_BĐ bỏ nhà đi cho đến nay.

Về con: anh, chị có 1 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/4/2006, hiện chị D_NĐ đang nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung: không có.

Chị D_NĐ xin ly hôn với anh P_BĐ và xin được nuôi con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/4/2006, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P_BĐ vắng mặt, không có lời trình bày.

Tại Giấy thể hiện nguyện vọng: cháu H xác định hiện đang sống với chị D_NĐ và có nguyện vọng khi cha, mẹ ly hôn cháu sống với mẹ (chị D_NĐ).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D_NĐ với anh P_BĐ; về con: giao chị D_NĐ nuôi cháu H, anh P_BĐ không cấp dưỡng nuôi con; tài sản, nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo các tài liệu gồm: xác nhận các ngày 21-01-2019 của Ban lãnh đạo ấp 9X và Công an xã ĐH và biên bản xác minh ngày 14-02-2019 của Tòa án cho thấy anh P_BĐ có nơi cư trú cuối cùng là ở ấp 9X, xã ĐH, huyện An Minh nên Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (bằng các hình thức niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng) nhưng anh P_BĐ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh P_BĐ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P_BĐ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Thái Thị D_NĐ và anh Nguyễn Văn P_BĐ sống chung với nhau như vợ chồng vào tháng 3 năm 2005 và sống chung từ đó đến khi ly thân vào năm 2013. Quá trình sống chung anh, chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, mặc dù chị D_NĐ, anh P_BĐ sống chung trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng do anh, chị không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng"* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Đối chiếu với quy định nêu trên, nay chị D_NĐ có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý vụ việc và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D_NĐ với anh P_BĐ.

[3] Về con chung, quá trình sống chung anh, chị có 1 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/4/2006, hiện chị D_NĐ đang nuôi dưỡng. Cháu H có nguyện vọng sống với mẹ; anh P_BĐ đã bỏ địa phương đi, không thể hiện ý kiến về nuôi con. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu H cho chị D_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng; anh P_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D_NĐ không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị D_NĐ xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí, nguyên đơn chị D_NĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2

Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Thị D_NĐ và anh Nguyễn Văn P_BĐ.

2. Về con chung, giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/4/2006 cho chị D_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu H đang sống cùng chị D_NĐ). Anh P_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị Thái Thị D_NĐ chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006108 ngày 24-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị D_NĐ đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: chị D_NĐ, anh P_BĐ vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công